TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST
Ngày 28-02-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lên;

2. Ông Bùi Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2023, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Huỳnh Thanh Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Q: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 02 năm 2023); có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trương Văn L, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 01 năm 2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 đồng thời bà H1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Huỳnh Thanh Q thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Trương Văn L là chủ hụi, vợ chồng bà là hụi viên và bà T ông L có nợ vợ chồng bà số tiền hụi đã đóng như sau:

Dây hụi ngày 20 tháng 8 năm 2019, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có 26 phần hụi (địa phương gọi là chưng hụi), vợ chồng bà tham gia 01 phần hụi, hụi đã mãn, số tiền bị đơn nợ vợ chồng bà sau khi trừ huê hồng và số phần hụi vợ chồng bà tham gia còn lại là 25 kỳ x 01 phần hụi x 2.000.000 đồng – 1.000.000 đồng = 49.000.000 đồng. Bị đơn đã trả được 24.600.000 đồng nên hiện nợ lại 24.400.000 đồng.

Dây hụi ngày 10 tháng 02 năm 2020, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có 27 phần hụi, vợ chồng bà tham gia 01 phần hụi, hụi đã mãn, số tiền bị đơn nợ vợ chồng bà sau khi trừ huê hồng và số phần hụi vợ chồng bà tham gia còn lại là 26 kỳ x 01 phần hụi x 2.000.000 đồng – 1.000.000 đồng = 51.000.000 đồng.

Dây hụi ngày 04 tháng 02 năm 2021, loại hụi 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, có 28 phần hụi, vợ chồng bà tham gia 01 chư phần hụi, hụi chưa mãn, vợ chồng bà đống được hết kỳ thứ 06 thì chủ hụi dừng hụi; số tiền bị đơn nợ vợ chồng bà đối với 06 kỳ đóng hụi thực tế là 6.160.000 đồng.

Tổng số tiền nợ các dây hụi trên là 81.560.000 đồng, bà giảm bớt nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 80.000.000 đồng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thị T trình bày: Chồng bà là ông Trương Thanh L1. Vợ chồng bà là chủ hụi trong đó ông L1 là người đứng tên chủ hụi, bà là người trực tiếp gom tiền các hụi viên. Bà thừa nhận vợ chồng ông Q, bà H1 có tham gia 03 dây hụi như bà H1 trình bày. Tổng số tiền nợ các dây hụi trên là 81.560.000 đồng, nguyên đơn giảm bớt nghĩa vụ thanh toán cho ông bà, chỉ yêu cầu ông bà thanh toán số tiền 80.000.000 đồng. Bà đồng ý với số nợ này. Bà xác định đây là nợ chung của vợ chồng bà, ông bà hiện vẫn là vợ chồng chung sống cùng nhau. Do thuộc diện cao tuổi nên bà xin được miễn án phí và đề nghị ghi nhận ý kiến của bà về việc xin miễn án phí này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Vợ chồng ông Huỳnh Thanh Q, bà Nguyễn Thu H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ hụi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng ông

Trương Văn L, bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, ông Trương Văn L vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02, do đó áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông L.

[3] Xét yêu cầu trả nợ hụi của vợ chồng ông Q, bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thu H và bà Nguyễn Thị T thống nhất vợ chồng ông Q, bà H có tham gia chơi 03 phần hụi do vợ chồng ông L, bà T làm chủ hụi. Đến nay số tiền nợ hụi của vợ chồng ông L, bà T 81.560.000 đồng, giảm bớt nghĩa vụ thanh toán, chỉ yêu cầu ông bà thanh toán số tiền 80.000.000 đồng. Do các bên thống nhất được với nhau về thông tin các dây hụi nêu trên nên đây là tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn là vợ chồng ông Q, bà H không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự vì đã được phía bị đơn thừa nhận. Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, buộc vợ chồng ông L, bà T trả cho vợ chồng ông Q, bà H số tiền 80.000.000 đồng. Vợ chồng ông Q, bà H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, vợ chồng ông L, bà T phải chịu là 80.000.000 đồng * 5% = 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do bà T là người cao tuổi nên bà được miễm nộp án phí dân sự sơ thẩm. Do đó ông L phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm tương đương 2.000.000 đồng. Vợ chồng ông Q, bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 21, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; các Điều 12, 14, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Trương Văn L, bà Nguyễn Thị T trả cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh Q, bà Nguyễn Thu H số tiền nợ hụi là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi

thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Trương Văn L phải chịu án phí sơ thẩm là 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Huỳnh Thanh Q, bà Nguyễn Thu H 2.835.000 (hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà vợ chồng ông Q, bà H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006087 ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hợp